

Số: /GPMT-STNMT

Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;*

*Xét Văn bản số 02/LIKSIN-G/CV/GPMT/2025 ngày 26/02/2025 của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin trách nhiệm hữu hạn một thành viên, địa chỉ số 159 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà xưởng và kho xí nghiệp in bao bì giấy Liksin (sản xuất bao bì hộp và nhãn hàng cao cấp, quy mô 6.775.000.000 trang in/năm (khổ 13x19))” tại vị trí Lô 16-18, đường số 1, Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà xưởng và kho xí nghiệp in bao bì giấy Liksin (sản xuất bao bì hộp và nhãn hàng cao cấp, quy mô 6.775.000.000 trang in/năm (khổ 13x19)).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 16-18, đường số 1, Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0301441600, đăng ký lần đầu ngày 07/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 21/9/2022. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 0301441600-009, đăng ký lần đầu ngày 18/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/4/2023. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 50211000066, chứng nhận lần đầu ngày 19/6/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 28/01/2015. Nơi cấp: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An.

1.4. Mã số thuế: 0301441600.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì hộp và nhãn hàng cao cấp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Diện tích thực hiện dự án: 23.424,5 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 159471 (số vào sổ cấp GCN: TO3266) ngày 30/3/2009. Nơi cấp: Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 6.775.000.000 trang in/năm (khổ 13x19), tương đương 20.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Nguyên liệu (giấy cuộn) → ghép ước → cắt cuộn



+ Nguyên liệu (giấy kiện) → cắt giấy trắng (xén/tè) → (chế bản kẽm → in) → cán láng/ghép OPP/ép nhũ/bé nổi/(chế bản Flexo → tráng phủ) → thành phẩm (nhãn <sup>(1)</sup>/hộp <sup>(2)</sup>/vĩ <sup>(3)</sup>).

(1) Thành phẩm nhãn → kiểm tờ → cắt → (chế bản khuôn bé → bé thủy lực) → đóng gói → nhập kho.

(2) Thành phẩm hộp → (chế bản khuôn bé → bé) → tách rìa → dán → kiểm tay → đóng gói → nhập kho.



Kiểm tay → dán → đóng gói → nhập kho.

(3) Thành phẩm vĩ → (chế bản khuôn bé → bé) → tách rìa → kiểm tay → đóng gói → nhập kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin trách nhiệm hữu hạn một thành viên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 02 năm 2025 đến ngày 27 tháng 02 năm 2035).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Hạ;
- Công ty CP Đầu tư Tân Đức;
- Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin  
trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Pháp chế Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLMT, T.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tân Thuận**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) tiếp tục xử lý, không xả thải ra môi trường; dự án không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải (theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

Đã ký Biên bản thỏa thuận đầu nối nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

##### 1.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái được thu gom vào các máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính  $\Phi 168$  mm xuống các hố ga trên mặt đất và hòa chung với dòng nước mưa trên sân nền bê tông thoát vào các hố ga, tại miệng các hố ga có lắp đặt lưới chắn rác. Các hố ga nước mưa nối nhau bằng các đoạn cống bê tông đường kính  $\Phi 200$  mm với hướng dốc từ nhà xưởng ra xung quanh; toàn bộ nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa nội bộ, chảy theo đường cống bê tông đường kính  $\Phi 500$  mm để đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) tại 01 vị trí đầu nối trên đường số 2 với tọa độ  $X = 1194247$ ;  $Y = 0581052$  (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

##### 1.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải sau đó được thu gom, dẫn bằng đường ống PVC đường kính  $\Phi 200$ mm về hệ thống xử lý nước thải tại dự án để tiếp tục xử lý.

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh sàn nhà được thu gom theo đường ống PVC đường kính  $\Phi 200$ mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát máy được thu gom theo đường ống PVC đường kính  $\Phi 200\text{mm}$  dẫn về hệ thống xử lý nước thải tại dự án.

Toàn bộ nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được dẫn bằng đường ống PVC đường kính  $\Phi 200\text{mm}$ , tự chảy ra hố ga cuối cùng (hố ga giám sát nước thải nằm bên ngoài tường rào của Công ty) có tọa độ  $X = 1194303$ ,  $Y = 0578843$  (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ); sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống PVC  $\Phi 200\text{mm}$  vào hố ga nước thải của Khu công nghiệp và đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải với Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) tại 01 vị trí trên đường số 1 với tọa độ  $X = 1194343$ ,  $Y = 0578852$  (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Riêng nước thải từ quá trình tráng bản kẽm, công đoạn in được thu gom theo đường ống PVC đường kính  $\Phi 200\text{mm}$  vào bể chứa có kích thước (L (m) x B (m) x H (m) =  $5\text{m} \times 3\text{m} \times 2\text{m}$ ), vật liệu BTCT, có nắp đậy chống nước mưa tràn vào để lưu chứa, bên trong bể có lót gạch chống thấm; nước thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- 03 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích  $8\text{ m}^3/\text{bể}$  (kích thước:  $2\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$ ), cụ thể:

+ 01 bể tự hoại tại các nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng;

+ 02 bể tự hoại tại các nhà vệ sinh khu vực sản xuất.

- 01 hệ thống xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải  $\rightarrow$  bể thu gom  $\rightarrow$  bể điều hòa  $\rightarrow$  bể thiếu khí anoxic  $\rightarrow$  bể hiếu khí aerotank  $\rightarrow$  bể lắng bùn sinh học  $\rightarrow$  hố ga giám sát nước thải  $\rightarrow$  đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1).

+ Công suất thiết kế:  $25\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, mật rỉ, soda nâng pH hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần B của Phụ lục này.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại, định kỳ chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; Bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu đầu nổi nước thải của khu công nghiệp thì nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể xử lý trong thời gian khắc phục sự cố; thông báo và phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức để khắc phục sự cố; cam kết không thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt giới hạn tiếp nhận nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp (trừ khi được sự chấp thuận của khu công nghiệp); đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân; sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

- Đối với sự cố về điện hoặc thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải bị hư: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định; Bố trí dự phòng các thiết bị để kịp thời thay thế khi các thiết bị hỏng hóc, hư hỏng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Các công trình bể tự hoại tại dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ

Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm như sau:

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Từ tháng 6/2025 đến tháng 11/2025.

**2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

**2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

- Tại vị trí trước xử lý (bể thu gom).

- Tại vị trí sau xử lý (hố ga giám sát nước thải nằm ngoài tường rào) trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1).

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các thông số có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	--	5,5 - 9
2	Màu	Pt-Co	150
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	50
4	COD	mg/L	150
5	TSS	mg/L	100
6	Tổng Nitơ	mg/L	40
7	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/L	6
8	Sunfua	mg/L	0,5
9	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
11	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	5.000

Trường hợp Giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) có sự thay đổi, điều chỉnh, trên cơ sở thỏa thuận với chủ đầu tư hạ tầng, Chủ dự án tuân thủ theo Giới hạn tiếp nhận nước thải mới của Khu công nghiệp.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) (Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức), không xả thải trực tiếp ra môi trường.



3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Đức (giai đoạn 1) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường./.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị tại khu vực ghi bản;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị khu vực in;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị tại khu vực tráng, cán láng;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị khu vực bết;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy cắt;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy ép nhũ;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy ghép màng;
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy dán;
- Nguồn số 09: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy ghép ướ;
- Nguồn số 10: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: có tọa độ  $X = 1194405$ ,  $Y = 0580224$ .
- Nguồn số 02: có tọa độ  $X = 1194407$ ,  $Y = 0580224$ .
- Nguồn số 03: có tọa độ  $X = 1194407$ ,  $Y = 0580227$ .
- Nguồn số 04: có tọa độ  $X = 1194412$ ,  $Y = 0580236$ .
- Nguồn số 05: có tọa độ  $X = 1194401$ ,  $Y = 0580222$ .
- Nguồn số 06: có tọa độ  $X = 1194433$ ,  $Y = 0580321$ .
- Nguồn số 07: có tọa độ  $X = 1194455$ ,  $Y = 0580333$ .
- Nguồn số 08: có tọa độ  $X = 1194426$ ,  $Y = 0580310$ .
- Nguồn số 09: có tọa độ  $X = 1194389$ ,  $Y = 0580297$ .
- Nguồn số 10: có tọa độ  $X = 1194422$ ,  $Y = 0580283$ .

*(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều 3<sup>o</sup>)*

**3. Tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

### 3.1. Tiếng ồn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	<i>Khu vực thông thường</i>
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

### 3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	<i>Khu vực thông thường</i>
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	77	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1.123	17 02 03
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>1.200</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	63.056	18 02 01
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	86	08 02 04
3	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	199.638	19 10 01
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	5.691	18 01 03

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
5	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi khác hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Lỏng	1.323	08 03 01
6	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	431	08 02 01
7	Bao bì dính hóa chất, dung môi (thùng mực in, can, phuy, bao bì,...)	Rắn	57.833	18 01 02
<b>Tổng cộng</b>			<b>328.058</b>	

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Sản phẩm lỗi, bao bì đóng gói hư hỏng	7.020.932
2	Pallet hư, gãy	101.430
3	Giấy văn phòng thải	500
4	Phế liệu kim loại	13.145
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.136.007</b>

### **1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10.800 kg/năm, chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), có dán mã số phân loại.

Bao bì đựng chất thải nguy hại và thiết bị lưu chứa phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 12 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm, hồ thu gom để phòng chất thải lỏng rơi vãi. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát***

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), 01 bể chứa chất thải nguy hại dạng lỏng bằng BTCT có thể tích 30 m<sup>3</sup>.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích: 12 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm. Xung quanh kho chứa chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát có gờ cao 10cm, hồ thu gom để phòng chất thải lỏng rơi vãi. Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát có bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE (có nắp đậy) và các bao PP chống thấm.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 30 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Kho có thiết kế mái lợp tôn, mặt sàn được bê tông, cao độ nền bảo đảm không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, thông gió và chiếu sáng tốt, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### ***2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác HDPE có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích: 9 m<sup>2</sup>, nền bê tông, có mái che, có gắn biển báo.

### ***2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt***

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

5. Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra. Nhân viên được hướng dẫn, tập huấn các phương pháp phòng chống cháy nổ. Thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy phải đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



## Phụ lục 4

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT  
ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
6. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.
7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong **thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

11. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.